

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 379/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 28 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức
Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-TTCT ngày 01/11/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 314/TTr-STTTT ngày 20/02/2024 và Đề án số 295/ĐA-STTTT ngày 20/02/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 814/TTr-SNV ngày 21/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Vị trí việc làm: 42 vị trí.

- Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 08 vị trí.
- Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 15 vị trí.
- Vị trí việc làm nghiệp vụ công chức chuyên môn dùng chung: 16 vị trí.
- Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

(Có Phụ lục kèm theo)

2. Cơ cấu ngạch công chức gồm:

2.1. Tỷ lệ cơ cấu ngạch nhóm vị trí việc làm công chức lãnh đạo quản lý: không xác định cơ cấu ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2.2. Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý:

- Ngạch Chuyên viên chính và tương đương: 05/14 người (chiếm 35,7%);
- Ngạch Chuyên viên và tương đương trở xuống: 09/14 người (chiếm 64,3%).

Điều 2. Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ vào Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế giao hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và lao động hợp đồng theo đúng quy định.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thực hiện các nội dung trong Đề án vị trí việc làm và các nội dung được phê duyệt trong Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cao Bằng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ngạch tương ứng	Ghi chú
I	Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý			
1	Giám đốc Sở	STTTT-LĐQL.01	Chuyên viên chính trở lên	
2	Phó Giám đốc Sở	STTTT-LĐQL.02	Chuyên viên chính trở lên	
3	Chánh Văn phòng Sở	STTTT-LĐQL.03	Chuyên viên chính trở lên	
4	Chánh Thanh tra Sở	STTTT-LĐQL.04	Thanh tra viên chính hoặc tương đương trở lên	
5	Trưởng phòng	STTTT-LĐQL.05	Chuyên viên trở lên	
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	STTTT-LĐQL.06	Chuyên viên trở lên	
7	Phó Trưởng phòng	STTTT-LĐQL.07	Chuyên viên trở lên	
8	Phó Chánh thanh tra	STTTT-LĐQL.08	Thanh tra viên hoặc tương đương trở lên	
II	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành dân tộc			
1	Chuyên viên chính về quản lý báo chí	STTTT-NVCN.01	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về quản lý báo chí	STTTT-NVCN.02	Chuyên viên	
3	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình	STTTT-NVCN.03	Chuyên viên	
4	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	STTTT-NVCN.04	Chuyên viên	
5	Chuyên viên về quản lý thông tin đối ngoại	STTTT-NVCN.05	Chuyên viên	
6	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở	STTTT-NVCN.06	Chuyên viên	
7	Chuyên viên về quản lý xuất bản, in và phát hành	STTTT-NVCN.07	Chuyên viên	
8	Chuyên viên về quản lý bưu chính	STTTT-NVCN.08	Chuyên viên	

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ngạch tương ứng	Ghi chú
9	Chuyên viên chính về quản lý viễn thông	STTTT-NVCN.09	Chuyên viên chính	
10	Chuyên viên về quản lý viễn thông	STTTT-NVCN.10	Chuyên viên	
11	Chuyên viên về quản lý tần số vô tuyến điện	STTTT-NVCN.11	Chuyên viên	
12	Chuyên viên chính về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)	STTTT-NVCN.12	Chuyên viên chính	
13	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)	STTTT-NVCN.13	Chuyên viên	
14	Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	STTTT-NVCN.14	Chuyên viên	
15	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	STTTT-NVCN.15	Chuyên viên	
III	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung			
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra; tiếp công dân và xử lý đơn; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	STTTT-CMDC.01	Thanh tra viên chính	
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra; tiếp công dân và xử lý đơn; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	STTTT-CMDC.02	Thanh tra viên	
3	Chuyên viên về công tác thanh tra	STTTT-CMDC.03	Chuyên viên	
4	Chuyên viên về pháp chế	STTTT-CMDC.04	Chuyên viên	

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ngạch tương ứng	Ghi chú
5	Chuyên viên về cải cách hành chính	STTTT-CMDC.05	Chuyên viên	
6	Chuyên viên chính về tổng hợp (tổ chức bộ máy; quản lý nguồn nhân lực; thi đua, khen thưởng; truyền thông; cải cách hành chính)	STTTT-CMDC.06	Chuyên viên chính	
7	Chuyên viên về tổng hợp (tổ chức bộ máy; quản lý nguồn nhân lực; thi đua, khen thưởng; truyền thông; cải cách hành chính)	STTTT-CMDC.07	Chuyên viên	
8	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	STTTT-CMDC.08	Chuyên viên	
9	Chuyên viên về quản trị công sở	STTTT-CMDC.09	Chuyên viên	
10	Văn thư viên	STTTT-CMDC.10	Văn thư viên	
11	Chuyên viên về lưu trữ	STTTT-CMDC.11	Chuyên viên	
12	Chuyên viên về kế hoạch và đầu tư	STTTT-CMDC.12	Chuyên viên	
13	Chuyên viên về tài chính	STTTT-CMDC.13	Chuyên viên	
14	Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán	STTTT-CMDC.14	Kế toán viên trở lên	
15	Kế toán viên	STTTT-CMDC.15	Kế toán viên	
16	Kế toán viên trung cấp	STTTT-CMDC.16	Kế toán viên trung cấp	
IV	Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên Lái xe	STTTT-HTPV.01		
2	Nhân viên Bảo vệ	STTTT-HTPV.02		
3	Nhân viên Phục vụ	STTTT-HTPV.03		